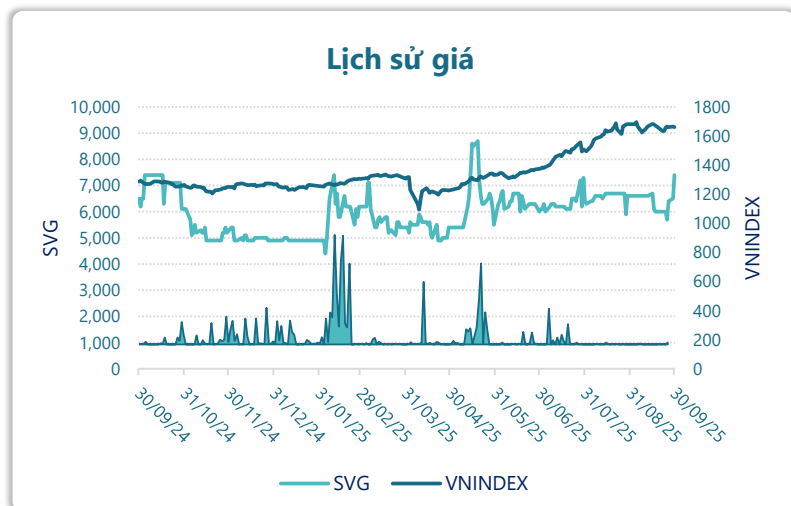


CTCP Hơi Kỹ nghệ Que Hàn (UPCOM: SVG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	29,350,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	475
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	217
P/E	-44.8
EPS	-165

DT thuần
Q3/25

73.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.10 | 9.0%

YoY: ▲ 12.8 | 21.0%

LN sau thuế
Q3/25

-3.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 2.80 | -257%

YoY: ▼ 4.14 | -1654%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

-3.6%

+/- YoY: ▼ 6.3%

DT thuần
9T 2025

197

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.0 | 10.8%

LN sau thuế
9T 2025

-4.92

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.96 | -13490%

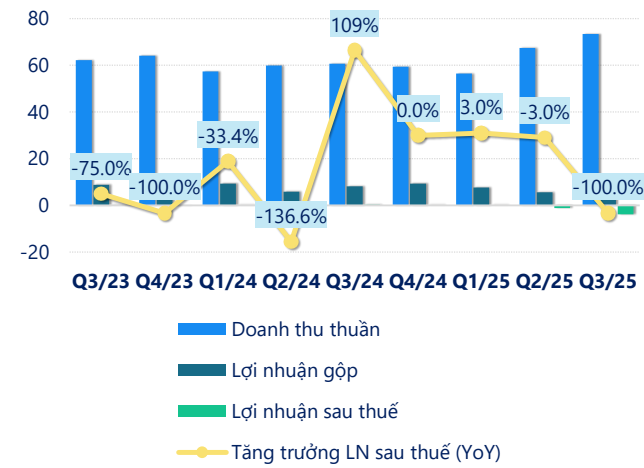
ROE
Q3/25

-1.6%

+/- YoY: ▼ 1.6%

tỷ VNĐ

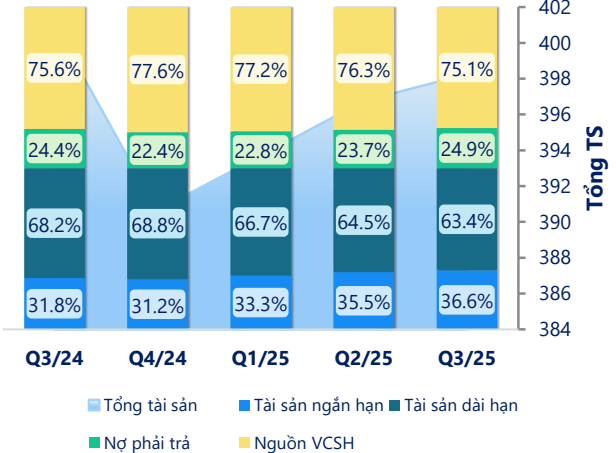
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

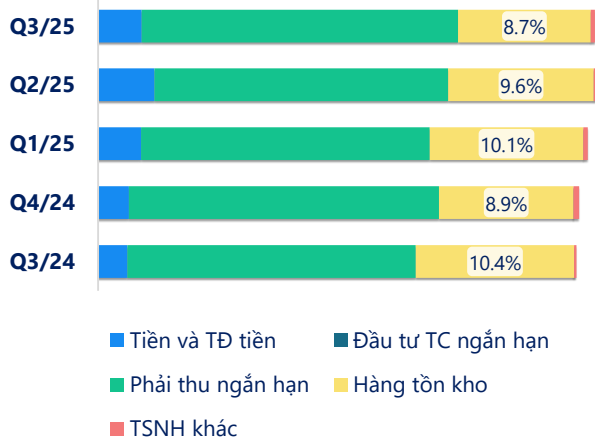
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



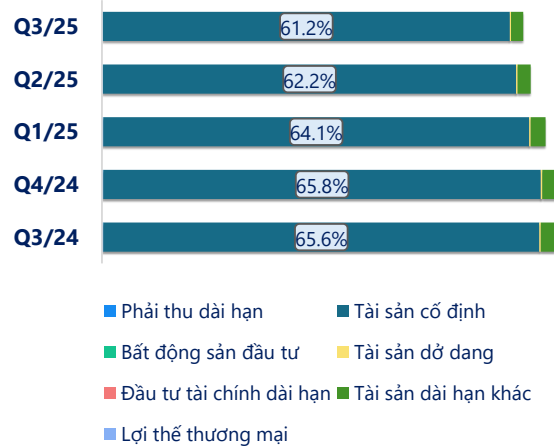
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

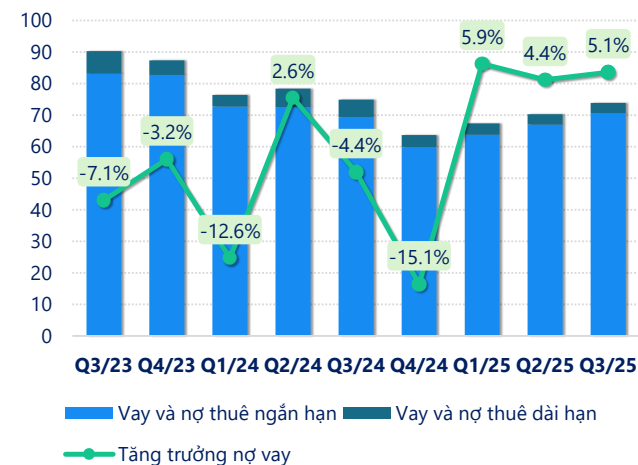
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

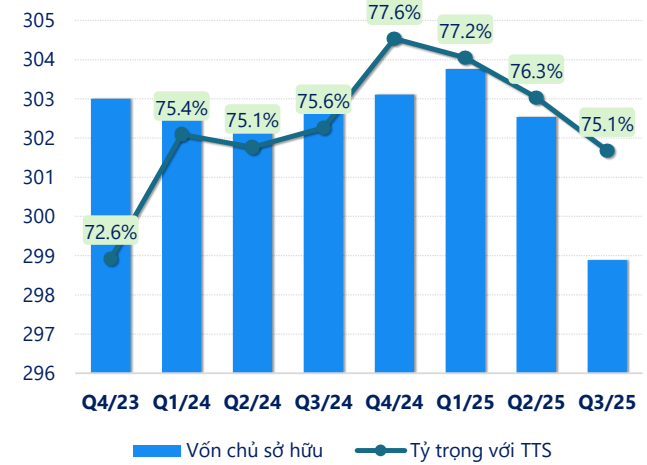
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

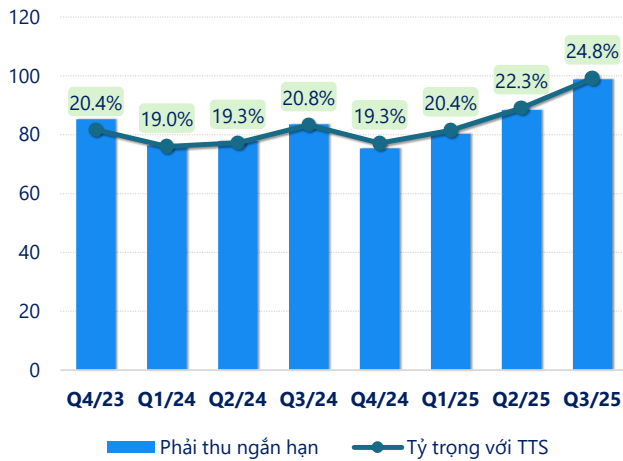
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



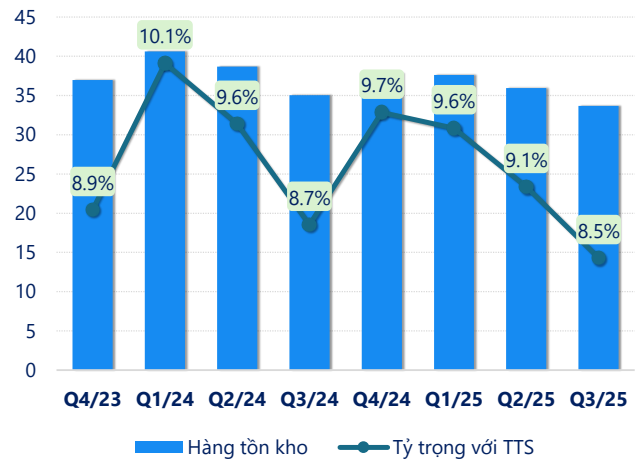
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


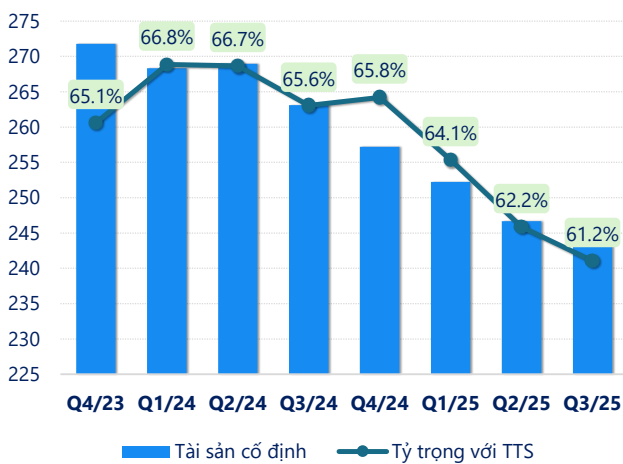
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


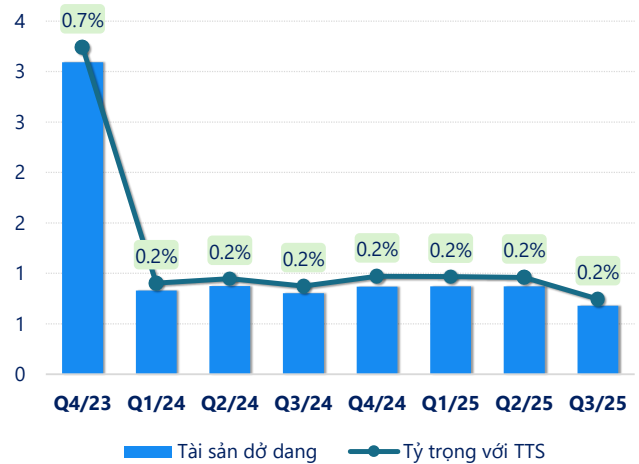
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

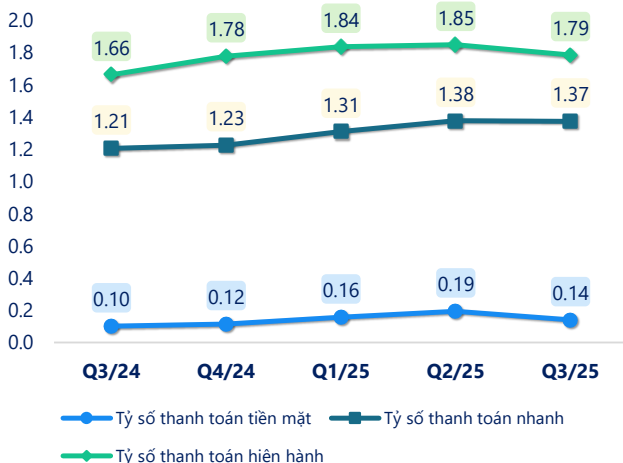
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

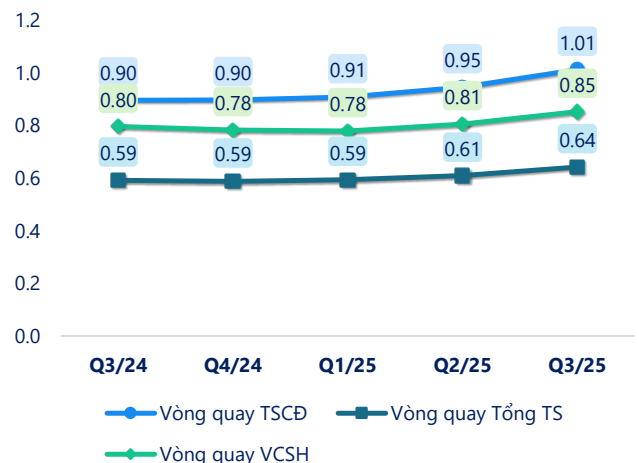
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	401	391	394	397	398
Tài sản ngắn hạn	127	122	131	141	146
Tiền và tương đương tiền	7.77	7.90	11.1	14.8	11.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	1.00	1.00	1.00
Phải thu ngắn hạn	83.5	75.3	80.3	88.4	98.8
Hàng tồn kho	35.0	37.8	37.6	35.9	33.7
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	0.81	0.91	0.78	1.03
Tài sản dài hạn	274	269	263	256	252
Phải thu dài hạn	0.78	0.78	0.78	0.58	0.58
Tài sản cố định	263	257	252	247	244
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.80	0.87	0.87	0.87	0.68
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.91	9.92	8.87	7.80	7.36
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	98.0	87.6	89.9	94.2	99.4
Nợ ngắn hạn	76.6	68.5	71.3	76.2	81.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	69.3	59.8	63.8	66.9	70.7
Phải trả người bán ngắn hạn	5.80	4.94	6.20	6.14	8.47
Nợ dài hạn	21.3	19.0	18.7	18.1	17.7
Vay và nợ thuê dài hạn	5.64	3.80	3.62	3.38	3.21
Nguồn vốn chủ sở hữu	303	303	304	303	299
Vốn chủ sở hữu	303	303	304	303	299
Vốn điều lệ	294	294	294	294	294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)